

DANH SÁCH ĐIỂM THI TIN HỌC A

KỲ THI NGÀY 28/03/2015

(Kèm theo quyết định số: /ĐHCNĐN, ngày tháng năm)

STT	SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	G.chú
1	0001	1201272	Nguyễn Thị Nhật	Đương	15/02/1994	Đồng Nai	6.5	
2	0002	1202564	Ngô Văn	Phong	01/05/1992	Tỉnh Bắc Ninh	7.5	
3	0003	1201953	Đỗ Minh	Cường	15/01/1989	Tỉnh Bến Tre	7.75	
5	0005	1305072	Phạm Trường	Giang	02/02/1995	Tỉnh Bình Định	5	
6	0006	1305071	Đinh Thị Như	Lắm	06/12/1995	Tỉnh Bình Định	5.75	
7	0007	1304172	Đào Thanh	Hùng	30/08/1994	Tỉnh Bình Dương	6.5	
8	0008	1304765	Trần Thùy Diễm	Chi	05/06/1994	Tỉnh Bình Thuận	3.5	
9	0009	1201277	Trần Thị	Kiều	06/05/1994	Tỉnh Bình Thuận	5.5	
10	0010	1304763	Vũ Thị Hương	Lan	05/08/1995	Tỉnh Đắk Lắk	2	
11	0011	1201305	Trần Thị	Vân	07/10/1994	Tỉnh Đắk Lắk	5	
12	0012	1201488	Đỗ Thị Thanh	Tâm	01/03/1993	Tỉnh Đắk Lắk	7.5	
13	0013	1202356	Trịnh Thị Đài	Trang	20/12/1994	Tỉnh Đắk Lắk	6.5	
14	0014	1201931	Nguyễn Anh	Tuấn	01/03/1994	Tỉnh Đồng Nai	5	
15	0015	1201996	Gíp Nhật	Nam	15/12/1991	Tỉnh Đồng Nai	6.75	
16	0016	1406800	Tô Tấn	Sang	05/06/1996	Tỉnh Đồng Nai	5	
17	0017	1305265	Nguyễn Hoài	Phương	11/09/1989	Tỉnh Đồng Nai	5	
18	0018	1303446	Nguyễn Trần Yến	Nhi	07/11/1995	Tỉnh Đồng Nai	3	
19	0019	1202003	Hà Thị Hồng	Thương	22/12/1994	Tỉnh Đồng Nai	5.5	
20	0020	1201353	Nguyễn Hoàng Phước	Ngân	10/09/1994	Tỉnh Đồng Nai	7.5	
21	0021	1201337	Nguyễn Phước	Đức	20/02/1994	Tỉnh Đồng Nai	5	
22	0022	1202418	Lê Bá Tấn	Tài	06/07/1994	Tỉnh Đồng Nai	9	
23	0023	1201988	Phạm Thị Thanh	Mai	29/11/1994	Tỉnh Đồng Nai	5.75	
24	0024	1201401	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	29/08/1994	Tỉnh Đồng Nai	9.25	
25	0025	1200967	Vòng Nhục	Sáng	22/01/1994	Tỉnh Đồng Nai	6.5	
26	0026	1304203	Phan Thị Thanh	Nga	19/05/1995	Tỉnh Đồng Nai	5	
27	0027	1304207	Lê Thị Hằng	Nga	10/12/1995	Tỉnh Đồng Nai	6.5	
28	0028	1304266	Lê Thị Ngọc	Trâm	21/08/1994	Tỉnh Đồng Nai	5	
29	0029	1202516	Nguyễn Trường	Xuân	05/12/1992	Tỉnh Đồng Nai	7	

STT	SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	G.chú
30	0030	1201338	Trần Thị Phuong	Hằng	22/01/1993	Tỉnh Đồng Nai	3	
31	0031	1202514	Trương Mai	Hương	27/02/1994	Tỉnh Đồng Nai	7.25	
32	0032	1201424	Nguyễn Thụy Thảo	Vy	15/09/1994	Tỉnh Đồng Nai	8.5	
33	0033	1303658	Hoàng Thị Ngọc	Loan	04/05/1995	Tỉnh Đồng Nai	5	
34	0034	1304478	Chu Thị Thanh	Thơ	12/03/1995	Tỉnh Đồng Nai	1.5	
35	0035	1303591	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	10/10/1995	Tỉnh Đồng Nai	5	
36	0036	1200433	Đỗ Duy	Tân	03/11/1994	Tỉnh Đồng Nai	3	
37	0037	1200896	Nguyễn Trọng	Hùng	11/11/1994	Tỉnh Đồng Nai	5	
38	0038	1304828	Đường Dầu	Kiến	25/10/1995	Tỉnh Đồng Nai	5	
39	0039	1303454	Bùi Nguyễn Huyền	Trân	19/12/1995	Tỉnh Đồng Nai	7.5	
40	0040	1101204	Phạm Minh	Thái	26/12/1988	Tỉnh Đồng Nai	5	
41	0041	1303315	Lê Ngọc	Nam	03/01/1994	Tỉnh Đồng Nai	5	
42	0042	1304983	Đỗ Thị Thu	Ngân	22/08/1995	Tỉnh Đồng Nai	5.5	
43	0043	1304307	Sái Thị Thy	Trân	29/11/1995	Tỉnh Đồng Nai	2	
44	0044	1303512	Đào Trần Thanh	Tâm	07/08/1995	Tỉnh Đồng Nai	5	
45	0045	1304392	Phạm Ngọc Anh	Minh	27/05/1993	Tỉnh Đồng Nai	6	
46	0046	1303870	Nguyễn Huỳnh	Tiên	06/03/1995	Tỉnh Đồng Nai	5	
47	0047	1303868	Lê Thị Thanh	Tuyền	03/03/1994	Tỉnh Đồng Nai	2.5	
48	0048	1304545	Trương Thị	Đào	06/04/1995	Tỉnh Đồng Nai	3	
49	0049	1305143	Lê Thị Ngọc	Trâm	10/08/1995	Tỉnh Đồng Nai	5	
50	0050	1304316	Mai Thị Hoàng	Anh	28/04/1995	Tỉnh Đồng Nai	3	
51	0051	1201280	Đào Hoàng	Phúc	26/05/1994	Tỉnh Đồng Nai	6	
52	0052	1200776	Phạm Đỗ	Quyên	31/05/1994	Tỉnh Đồng Nai	7.5	
53	0053	1303857	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	09/12/1995	Tỉnh Đồng Nai	3	
54	0054	1303610	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	14/01/1995	Tỉnh Đồng Nai	6	
55	0055	1200580	Văn Tấn	Tài	12/10/1994	Tỉnh Đồng Nai	5	
56	0056	1202466	Hoàng Thị	Huệ	08/10/1992	Tỉnh Đồng Nai	5	
57	0057	1202471	Nguyễn Bảo	Ngọc	13/05/1994	Tỉnh Đồng Nai	0	
58	0058	1201342	Lưu Thị Minh	Phương	16/03/1994	Tỉnh Đồng Nai	7.5	
59	0059	1201342	Lưu Thị Minh	Phương	16/03/1994	Tỉnh Đồng Nai	0	
60	0060	1202445	Võ Thị Thuỳ	Dung	27/06/1994	Tỉnh Đồng Nai	0	
61	0091	1202595	Hứa Ngọc	Châm	17/03/1994	Tỉnh Lâm Đồng	10	
62	0092	1303595	Bùi Thị Thu	Hương	09/09/1995	Tỉnh Long An	6.5	
63	0093	1303280	Trần Thị	Giang	18/08/1994	Tỉnh Nghệ An	6	

STT	SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	G.chú
64	0094	1201039	Trần Thị	Thúy	24/08/1994	Tỉnh Nghệ An	5	
65	0095	1202682	Đặng Thị	Hồng	19/09/1993	Tỉnh Nghệ An	2.5	
66	0096	1202071	Hồ Thị	Ngọc	20/10/1994	Tỉnh Nghệ An	8.5	
67	0097	1201483	Đào Thị Hồng	Trang	17/11/1992	Tỉnh Ninh Thuận	6	
68	0098	1203185	Nguyễn Xuân	Ngọc	22/06/1993	Tỉnh Quảng Trị	5	
69	0099	1202603	Hồ Thị	Phượng	25/09/1994	Tỉnh Quảng Trị	5.5	
70	0100	1202097	Nguyễn Thị	Quyên	28/02/1994	Tỉnh Quảng Trị	7	
71	0101	1304520	Bùi Thị	Phượng	08/08/1995	Tỉnh Thái Bình	8	
72	0102	1202459	Nguyễn Thị	Liên	10/10/1994	Tỉnh Thanh Hóa	5	
73	0103	1202155	Trần Thị	Thu	15/11/1994	Tỉnh Thanh Hóa	3.5	
74	0104	1202513	Nguyễn Thị Phương	Thảo	07/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	5	
75	0105	1304664	Nguyễn Phúc Linh	Đan	02/11/1995	TP. Hồ Chí Minh	5.5	
76	0106	1201892	Nguyễn Văn	Việt	15/09/1988	Tp.Hà Nội	6	
77	0107	1201418	Lý Thị	Chinh	09/09/1994	Tp.Hà Nội	6	
78	0108	1303708	Trần Thị Ngọc	Ánh	19/9/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.5	
79	0109	1202035	Lê Thị Thanh	Giang	13/09/1993		5.5	
80	0110	1202388	Trịnh Thị	Dung	28/09/1994		5.5	
81	0111	1202446	Nguyễn Ngọc Tổ	Uyên	10/07/1994		6.5	
82	0112	1304426	Đinh Thị	Đoan	10/05/1994	Tỉnh Đồng Nai	5	
83	0113	1303454	Bùi Nguyễn Huyền	Trân	19/12/1995	Tỉnh Đồng Nai	0	
84	0114	1202445	Võ Thị Thuỳ	Dung	27/06/1994	Tỉnh Lâm Đồng	0	
85	0115	1303887	Nguyễn Thị Kim	Hiền	02/01/1995	Tỉnh Ninh Thuận	2.25	
86	0116	1202443	Lê Thị Xuân	Thảo	26/10/1994		2.75	
87	0117	1304996	Nguyễn Thị	Huyền	01/09/1994	Tỉnh Quảng Bình	7.5	
88	0118	1304693	Hồ Hoài	Thương	29/11/1995	Tỉnh Đồng Nai	7	
89	0061	1202676	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	17/01/1994	Tỉnh Đồng Nai	6.5	
90	0062	1200505	Lê Hồng	Hạnh	08/04/1994	Tỉnh Đồng Nai	7.5	
91	0063	1304801	Trần Thị Kiều	Chinh	14/12/1995	Tỉnh Đồng Nai	5	
92	0064	1303279	Trần Thị Ngọc	Anh	15/04/1995	Tỉnh Đồng Nai	7	
93	0065	1202062	Danh Thị Kim	Dung	20/02/1994	Tỉnh Đồng Nai	5	
94	0066	1201449	Lại Thị Anh	Quỳnh	24/08/1994	Tỉnh Đồng Nai	7.5	
95	0067	1304699	Vũ Thị	Thảo	20/10/1994	Tỉnh Đồng Nai	6.5	
96	0068	1303429	Lê Thị Thanh	Thủy	22/09/1995	Tỉnh Đồng Nai	6	
97	0069	1201497	Lê Thị Bích	Tuyền	19/08/1994	Tỉnh Đồng Nai	6.5	

STT	SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	G.chú
98	0070	1202079	Bùi Thị Thanh	Tuyền	24/09/1994	Tỉnh Đồng Nai	6	
99	0071	1201137	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/12/1994	Tỉnh Đồng Nai	6	
100	0072	1201096	Nguyễn Thị Thảo	Ly	30/01/1994	Tỉnh Đồng Nai	5	
101	0073	1203978	Trần Nguyên	Khải	15/07/1989	Tỉnh Đồng Nai	0	
102	0074	1305125	Chu Đình	Chiến	25/09/1995	Tỉnh Đồng Nai	0	
103	0075	1201401	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	29/08/1994	Tỉnh Đồng Nai	0	
104	0076	1303890	Phạm Thiên	Phong	01/04/1985	Tỉnh Đồng Nai	3.5	
105	0077	1201083	Nguyễn Lê Phương	Trúc	31/08/1992	Tỉnh Đồng Nai	9.5	
106	0078	1200462	Nguyễn Thoại	My	17/10/1994	Tỉnh Đồng Nai	6.5	
107	0079	1303461	Trương Thị Thu	Thảo	12/11/1995	Tỉnh Đồng Tháp	5	
108	0080	1202396	Trần Thị	Thảo	17/08/1994	Tỉnh Hà Nam	10	
109	0081	1201898	Trần Thị	Phương	20/01/1994	Tỉnh Hà Nam	6	
110	0082	1304322	Nguyễn Thị	Doạn	07/01/1991	Tỉnh Hà Tĩnh	5	
111	0084	1304889	Hồ Thị Cẩm	Nhung	25/06/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	5	
112	0085	1304324	Trần Thị	Mai	26/05/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	6.5	
113	0086	1200950	Nguyễn Bảo	Hòa	03/10/1994	Tỉnh Khánh Hòa	7.5	
114	0087	1201891	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	27/02/1994	Tỉnh Lâm Đồng	5.5	
115	0088	1200879	Đàm Thị	Hiền	09/08/1993	Tỉnh Lâm Đồng	5	
116	0089	1200432	Chu Thế	Yết	22/10/1993	Tỉnh Lâm Đồng	5	
117	0090	1202098	Lương Thị Quỳnh	Hương	04/09/1994	Tỉnh Lâm Đồng	10	

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI